

Số: /2025/NQ-HĐND

Quảng Nam, ngày tháng năm 2025

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chính sách hỗ trợ trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy,
đơn vị hành chính của tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2025 - 2027**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI CHÍN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp
luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12 tháng 7 năm 2023 của
Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp
xã giai đoạn 2023 - 2030;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12
năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách
nhà nước; số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 quy định về hợp đồng
đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công
lập; số 29/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2023 quy định về tinh giản biên chế;
số 178/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 về chính sách, chế độ đối với cán
bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp
xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;*

*Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân
dân tỉnh về đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chính
sách hỗ trợ trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính của tỉnh
Quảng Nam giai đoạn 2025-2027; Báo cáo thẩm tra số/BC-HĐND ngày
tháng năm 2025 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận
của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên
chức, người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động công tác tại các cơ quan, đơn
vị thuộc khối Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã

hội từ cấp tỉnh đến cấp huyện; cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã do sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính các cấp của tỉnh Quảng Nam giai đoạn **2025 - 2027**.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã đủ điều kiện nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, được cấp có thẩm quyền phê duyệt nghỉ công tác trong thời gian 24 tháng kể từ khi có quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính.

2. Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động dôi dư do sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính được cấp có thẩm quyền phê duyệt nghỉ trong thời gian 03 tháng kể từ khi có quyết định sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính, bao gồm:

a) Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật lao động trước thời điểm ngày 15 tháng 01 năm 2019 và người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động được áp dụng chính sách như công chức đủ điều kiện nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc theo quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP.

b) Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động thực hiện các công việc chuyên môn nghiệp vụ thuộc danh mục vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung trong đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP, đủ điều kiện nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc ngay theo quy định tại Nghị định số 29/2023/NĐ-CP.

c) Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động hỗ trợ, phục vụ không xác định thời hạn theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP; hợp đồng lao động hỗ trợ, phục vụ xác định thời hạn theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP mà trước thời điểm ký hợp đồng xác định thời hạn đã được ký hợp đồng không xác định thời hạn theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP hoặc Nghị định số 161/2018/NĐ-CP.

3. Người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, được cấp có thẩm quyền phê duyệt nghỉ công tác trong thời gian 12 tháng kể từ khi có quyết định sắp xếp đơn vị hành chính.

4. Cán bộ, công chức, viên chức ở các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh được cơ quan có thẩm quyền cử tăng cường đi công tác trong thời gian 03 năm ở cơ sở.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện chính sách

1. Bảo đảm thực hiện chính sách đúng đối tượng, kịp thời, đầy đủ theo quy định của pháp luật; sử dụng đúng, hiệu quả ngân sách nhà nước.

2. Một đối tượng đủ điều kiện hưởng nhiều chính sách, chế độ quy định tại các văn bản khác nhau thì chỉ được hưởng một chính sách, chế độ cao nhất.

Điều 4. Chính sách hỗ trợ

Ngoài chính sách được hưởng theo quy định tại Nghị định số 29/2023/NĐ-CP, Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, các đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị quyết này được hỗ trợ thêm theo từng trường hợp cụ thể như sau:

1. Đối với nghỉ hưu trước tuổi

a) Đối tượng quy định tại khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này được hỗ trợ thêm một lần bằng 10% tổng kinh phí được hưởng theo chính sách quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, nhưng không thấp hơn 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng)/01 trường hợp.

b) Đối tượng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này được hỗ trợ thêm một lần bằng 70% tổng kinh phí được hưởng theo chính sách tinh giản biên chế quy định tại Nghị định số 29/2023/NĐ-CP, nhưng không thấp hơn 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng)/01 trường hợp.

2. Đối với nghỉ thôi việc

a) Đối tượng quy định tại khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này được hỗ trợ thêm một lần bằng 15% tổng kinh phí được hưởng theo chính sách quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, nhưng không thấp hơn 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng)/01 trường hợp.

b) Đối tượng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này được hỗ trợ thêm một lần bằng 80% tổng kinh phí được hưởng theo chính sách tinh giản biên chế quy định tại Nghị định số 29/2023/NĐ-CP, nhưng không thấp hơn 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng)/01 trường hợp.

c) Đối tượng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này được hỗ trợ một lần theo thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (trường hợp thời gian công tác không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn), cụ thể:

Thời gian công tác dưới 05 năm: 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng)/01 trường hợp.

Thời gian công tác từ đủ 05 năm đến dưới 10 năm: 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng)/01 trường hợp.

Thời gian công tác từ đủ 10 năm trở lên: 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng)/01 trường hợp.

3. Đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã

Đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết này, ngoài chính sách được hưởng theo quy định tại Nghị định số 29/2023/NĐ-CP, được hỗ trợ một lần theo thời gian công tác, cụ thể:

Thời gian công tác dưới 05 năm: 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng)/01 trường hợp.

Thời gian công tác từ đủ 05 năm đến dưới 10 năm: 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng)/01 trường hợp.

Thời gian công tác từ đủ 10 năm trở lên: 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng)/01 trường hợp.

4. Đối với cán bộ, công chức, viên chức tăng cường đi công tác ở cơ sở

Đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị quyết này, ngoài chính sách được hưởng theo quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP được hỗ trợ thêm một lần như sau:

- Trường hợp được tăng cường đi công tác tại các xã thuộc địa bàn các huyện miền núi cao (gồm: Tây Giang, Đông Giang, Nam Giang, Phước Sơn, Bắc Trà My, Nam Trà My): 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng)/01 trường hợp.

- Trường hợp được tăng cường đi công tác tại các xã thuộc địa bàn các huyện, thị xã, thành phố còn lại: 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng)/01 trường hợp.

5. Đối tượng đã hưởng chính sách hỗ trợ tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này nếu được bầu cử, tuyển dụng lại vào các cơ quan, tổ chức, đơn vị hưởng lương

từ ngân sách nhà nước trong thời gian 60 tháng kể từ ngày thực hiện chính sách quy định tại Nghị quyết này thì phải hoàn trả lại số tiền hỗ trợ đã nhận cho cơ quan, tổ chức, đơn vị đã chi trả.

Điều 5. Kinh phí thực hiện

1. Đối với cán bộ, công chức; cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã; người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động (trừ người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động trong đơn vị sự nghiệp công lập): Kinh phí thực hiện do ngân sách tỉnh cấp.

2. Đối với viên chức và người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động trong đơn vị sự nghiệp công lập:

a) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư; đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên: Kinh phí thực hiện từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp của đơn vị và nguồn thu hợp pháp khác.

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo một phần chi thường xuyên: Kinh phí thực hiện từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp của đơn vị, nguồn ngân sách tỉnh cấp và nguồn thu hợp pháp khác. Ngân sách tỉnh sẽ bố trí kinh phí thực hiện trên số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao.

c) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên: Kinh phí thực hiện do ngân sách tỉnh cấp.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 02 năm 2025.

2. Các Nghị quyết sau của Hội đồng nhân dân tỉnh hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, gồm:

a) Nghị quyết số 37/2023/NQ-HĐND ngày 29 tháng 12 năm 2023 quy định chính sách hỗ trợ tinh giản biên chế thuộc diện dôi dư khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2023 - 2025;

b) Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 26 tháng 9 năm 2024 quy định chính sách hỗ trợ hợp đồng lao động thuộc diện dôi dư khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2023 - 2025.

Điều 7. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các trường hợp đang thực hiện giải quyết chính sách theo quy định tại Nghị quyết số 37/2023/NQ-HĐND, Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND nhưng cơ quan có thẩm quyền chưa ban hành quyết định hưởng chính sách thì chuyển sang áp dụng chính sách quy định tại Nghị quyết này.

2. Các trường hợp đã hưởng chính sách quy định tại Nghị quyết số 37/2023/NQ-HĐND, Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND thì không được hưởng chính sách quy định tại Nghị quyết này.

3. Các trường hợp đã hưởng chính sách nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc quy định tại Nghị định số 178/2024/NĐ-CP trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì được hưởng chính sách hỗ trợ thêm theo quy định tại Nghị quyết này.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết; định kỳ tổng hợp báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện Nghị quyết tại kỳ họp thường lệ cuối năm.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam khóa X, kỳ họp thứ 29 thông qua ngày 19 tháng 02 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VP: QH, CTN, CP;
- Ban CTĐB-UBTVQH;
- Cục KTVBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Ban TVTU, TT HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công báo tỉnh Quảng Nam;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Quảng Nam;
- TTXVN tại Quảng Nam;
- Báo Quảng Nam, Đài PT-TH tỉnh Quảng Nam;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HĐND.

CHỦ TỊCH